

Chúng ta đã không hiểu k^ho, không hiểu ngu^oi bên đ^ong mình Nam Việt nam, và cũng không hiểu chính chúng ta n^ha

1-Nh^ong huy^on tho^oi v^o cu^oc chi^on



Đ^oi S^o John Negroponte, C^ou Ph^o tá B^o tr^ong Ngo^oi giao M^o đã đ^ot ra m^ot l^onh^ong ch^o “N^ou” cho 150 ngu^oi trong c^o to^o, nh^on phát bi^ou t^oi cu^oc H^oi Ngh^o đ^oc t^o ch^oc ^o Câu L^oc B^o Army Navy Club t^oi Washington, nh^om l^onh^ong giá v^o Qu^on l^oc Vi^ot nam C^ong ho^oa 35 năm sau khi chi^on tranh k^ht th^oc.

“N^ou mà T^ong Th^ong Roosevelt còn s^ong thì n^ho c^o M^o không ^ong h^o cho ngu^oi Pháp tr^o l^oi Vi^ot nam? N^ou mà chúng ta bi^ot rõ h^on v^o chuy^on xích mích gi^oa Li^on Xô và Trung qu^oc? N^ou mà T^ong th^ong Ngô Đ^onh Di^om không b^o ám sát? N^ou mà T^ong th^ong Nixon không b^o dính líu vào v^o Watergate?” Nh^ong vì do nh^ong cái tr^o tr^ou b^ot th^ong cu^o l^och s^o đ^oi l^oi nh^o v^oy mà s^o v^oc đã x^oy ra khác h^on đ^o.

Năm đ^on gi^o chính y^ou khác và 10 tham lu^on viên, c^o ngu^oi Vi^ot và ngu^oi M^o, đã phân tích nh^ong tr^on chi^on mà h^o coi là khúc quanh c^oa cu^oc chi^on tranh Vi^ot nam.

Cu^oc t^on công T^ot M^ou Thân 1968, nh^ong tr^on đánh l^on ^o Hu^o, An L^oc, Qu^ong Tr^o; Qu^on l^oc Vi^ot nam C^ong ho^oa, Hi^op đ^onh Ho^oa bình Paris, và nh^ong bài h^oc đã thu l^om đã đ^oc m^ox^o trong các bu^oi th^oo lu^on trong t^ong nh^om. Ch^o ý cu^o các tham lu^on viên rõ ràng là nh^om ph^oc h^oi l^oi danh đ^o cho Qu^on l^oc mi^on Nam Vi^ot nam.

Tết Mậu thân 1968:

Tiến sĩ Erik Villard, sử gia, là diên giã đầu tiên đã trình bày về cuộc tấn công này. Ông nói: “Đây đích thực là một cuộc nổi dậy của người dân Việt Nam giành quyền quyết định gia đình và quân Cộng sản xâm lăng miền Bắc. Ông mô tả trận chiến là một danh dự và quy mô và sự phức tạp trong kế hoạch của Việt cộng và sự phức tạp công lực đầu tiên coi như tuy nhiên, mà lại rất thành công của phía miền Nam và Đông mình. Những ông nói: “Bỉ đất thay cái sự thống trị này là một sự coi như là một thất bại.”

Đội tá Trần Minh Công bắt thêm. Ông nói đến 50 phần trăm quân đội VNCH được nghỉ phép ăn Tết giữa lúc quân Cộng Sản tấn công. Ông ra lệnh cho tiểu đoàn cảnh sát tiến hành kiểm soát Dinh Tổng thống ở Saigon, trong khi các đơn vị khác thì họp nhau lại để tái tổ chức những đơn vị bỏ trống và một bộ phận quân chính trị.

Tuần báo Time cũng thu thập: “Quân lực Việt Nam Cộng hòa phải gánh chịu áp lực nặng nề lúc khiêu vũ với sự dũng cảm và mau lẹ mà hầu như ít có ai nào có thể nghĩ được.” Chỉ huy Ellsworth Bunker nói: “Chính phủ đã không xếp đặt. Trái lại, họ đã phân tán nguồn lực mau mẫn và quyết chí. Chính quyền đã tổ chức sự phức tạp và vì thế lực lao.”

Đội tá Công phản nản: “Yếu thế mà giành quyền thông tin là một điều coi như Tết Mậu thân là ‘khởi sự của cuộc chiến tranh’ Việt Nam (The beginning of the end of the Vietnam War).”

Giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, học giả và cựu giảng viên tại Đại học George Mason kể lại: “Trong dịp tấn công Tết Mậu thân, cộng đồng Huế là nơi duy nhất quân Cộng sản đã thiêu hủy phần chính quyền dân sự. Họ phát động cuộc tàn sát, giết hại hàng ngàn người mà họ gọi là ‘kẻ thù của Cách mạng’ trong suốt 25 ngày chiến đấu thành phố vào tháng Hai năm 1968.”

“Họ tàn sát đến 6,000 thường dân vô tội, bắt cóc đó là giáo sư, kinh doanh, phụ nữ, người già và cả đơn vị trẻ em, tước đoạt quyền kinh tế của họ. Hàng ngàn người bị coi là ‘tay sai Mỹ’ đã bị tra tấn, giết hại và cả bị chôn sống do lệnh của Tòa án Nhân dân Việt cộng mà gây ra những cán bộ và dân làng được thả ra theo cách tự nhiên.”

Văn theo lời giáo sư Bích, “Văn phạm sát Huân tòng ngữ nh ‘cánh đồng giết người’ (killing fields) đời tôi chỉ đến Pol Pot ở Cambodia, hay Lò Thiêu Người ở hai thời chiến tranh hai cuộc Địch quốc xã.”

Hai mươi cũng phải ảnh hưởng đến các chuyên gia khác. Ông Lewis Sorley, sử gia chuyên về chiến tranh Việt Nam và là giáo sư tại West Point và tại Học Viện Chiến tranh của Lực lượng Quân Mỹ, nói là hai năm ngoài tại Đại học Texas Tech rằng những cái nhìn lịch sử phát xuất từ chiến dịch bồi nh toàn thời chiến miền Nam Việt Nam và cuộc chiến đấu lâu dài và khó khăn của họ, cho đến lời tố cáo vô liêm sử của Jane Fonda cho rằng: “Các tù nhân Mỹ khi họ bị hành hạ mà đã tố cáo bằng những Công sự n tra tấn họ những đau là những ‘kể nói dối’ và ‘giả hình’.”

Cuộc tấn công chớp nhoáng Pháo binh 1972:

Trong ba tháng mà tình hình An Lộc bị vây hãm vào tháng Tám 1972 cũng bị giới truyền thông Mỹ bóp méo sự thật. Tờ báo James Willbanks cho câu trả lời là: “Kể từ đó là cả hai bên đều chiến đấu bằng tình thần kinh hoàng, những cuộc cùng thì quân đội kiên cường của miền Nam đã kiên cố thành phố, sau khi kết thúc trận chiến đẫm máu”.

Đại tá Phan Văn Huân, Chỉ huy Lực lượng đoàn 81 Biệt cách Dù và Trung tá Nguyễn Văn Lâm phó tá chỉ huy, kể lại họ đã đẩy lui được quân đội Bắc Việt và ngăn chặn hàng nghìn tấn công của Công sự vào thủ đô Saigon, lập ra được vòng đai phòng thủ vững mạnh chống lại quân sự lớn hơn họ về số lượng quân. Họ đã cầm cự được cuộc tấn công liên tục của Bắc quân, đẩy lui được ba vòng xung phong tấn công từ phía đông quân.

Trận chiến ở Quảng Trị :

Ba nhân vật sau đây tham gia vào trận chiến này. Đó là Đại tá Phạm Văn Chung, Đại úy Nguyễn Văn Việt và ông Dale Andrade, một sĩ gia và tác giả của cuốn sách về cuộc chiến tranh Việt Nam. Các vị này từng trải qua Sđoàn 308 và hai trung đoàn của Lực lượng Quân đội miền Bắc vượt qua khu vực phi quân sự để tiến vào miền Nam, trong khi Sđoàn 304 thì từ phía Lào từ phía Tây cũng xâm nhập vào. Đại quân đó quét sạch cả hai thành căn cứ của quân đội miền Nam có nhiệm vụ canh giữ quốc lộ 9, và tiến chiếm vùng thung lũng Quảng Trị.

Mục tiêu cuối cùng của lãnh đạo Hà Nội là “tổ chức một chiến tranh quy mô nhỏ trong năm 1972 và bắt buộc cho các quốc gia tham gia ngừng thuyết phục chấm dứt chiến tranh tại Việt Nam cuối cùng thất bại.” Quân đội miền Nam bị phân tán và rút lui, những người đi cho Cộng quân. Những Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, một tướng lĩnh xuất sắc cuối miền Nam đã được nắm quyền chỉ huy và ông đã tái chiếm được miền Nam Quảng Trị và các thị trấn.

Quân đội Bắc Việt bắt đầu tổng động viên 100,000 quân là phân nửa tổng số lực lượng của họ, khoảng 40,000 quân bắt đầu trở lại, và còn bắt đầu phân nửa số chiến xa và trọng pháo. Kết quả là chính Tướng Võ Nguyên Giáp, người anh hùng đã đánh thắng người Pháp ở Điện Biên Phủ, đã bắt đầu rời khỏi và chỉ huy quân đội Bắc Việt. Kết quả này đã không được giới truyền thông Mỹ tiếp nhận chính xác.

Có một bài học nào được rút ra chăng?

Nhiều người tin rằng người Mỹ hiểu biết rất ít về cuộc chiến tranh Việt Nam, mặc dù nó đã chiếm một phần ba thế kỷ trước. Trong một bài báo nhan đề “Lịch sử chiến tranh mình không ngừng trở lại Việt Nam đã sai lầm” được đăng tải trên Báo Wall Street vào tháng Tám năm 2000, Nhà sử học James Webb đã liệt kê giới truyền thông báo chí, giới hàn lâm và Hollywood là những nhóm “đã có trách nhiệm rất lớn cho thảm họa cuộc chiến được tiếp diễn như là vậy không cần thiết và vậy không thể chiến thắng được.”

Hàng ngàn bài báo, cuốn sách, bộ phim trình bày quân sự, bài nghiên cứu trên đánh và các hội ký về cuộc chiến tranh 10 năm và tiếp tục không bao giờ đem ra thách thức hay được chấp nhận như là những sai lầm mà không hề có sự phân tích chi tiết sâu trong giới sĩ gia. Người quá cố Douglas Pike là nhà phân tích chính trị đã viết rất nhiều về Việt Nam, đã bình luận rằng: “đó là những người bị lừa bịp bởi giới ký giả ngu dốt của loại truyền hình thông tin mới và giới hàn lâm theo phe thiên lệch về mặt số mệnh ý thức họ.”

Ông George Veith là một tác giả chuyên viết về Việt Nam, mà hiện đang hoàn thành cuốn sách - Tháng Tám Đen: Cuộc Thảm Sát Trẫm Miền Nam Việt Nam 1975 - nói về những huyền thoại và sự sụp đổ của miền Nam Việt Nam.

Ông nói Hà Nội trông đợi chính quyền Nam Việt Nam sụp đổ một khi người Mỹ rút khỏi năm 1972. Những sai lầm đó đã không xảy ra, và quân đội Việt Nam lại một ngày một mạnh mẽ hơn lên,

những chiếc thuyền trong trận An Lộc và Cuộc Trại vữa nêu trên. Thế rồi, từ năm 1973 cho đến tháng Ba năm 1975, quân đội miền Nam đã gây những thiệt hại nặng nề cho quân đội Bắc Việt, khiến cho Tổng Ngõ Nguyên Giáp bất mãn tột cùng. Ông Veith xác tín rằng quân lực Việt nam Cộng hòa không hề yếu kém và hèn nhát như giới truyền thông báo chí Mỹ thường tô vẽ ra.

Vì coi việc Tổng thống Nixon từ chối cuộc là một dấu hiệu rõ ràng những Mỹ sẽ bỏ rơi miền Nam, nên Bộ Chính trị đảng Cộng sản Hà Nội mới quyết định ‘giải phóng’ miền Nam trong thời hạn 2 năm 1975-76 bằng cách tung ra những cuộc tấn công dồn dập quy mô.

Họ đã vi phạm Hiệp định Đình chiến Paris mà họ đã ký kết với Hoa Kỳ và miền Nam Việt nam. Khi quân đội Mỹ rút khỏi Việt nam năm 1972 và Cuộc hải cẩu tẩu trên biển quân sự và kinh tế cho Việt nam vào tháng Ba năm 1974, ông Veith nói: “Với những bất lợi về địa lý, quân đội miền Nam không thể nào ngăn chặn được cuộc tấn công dồn dập trên khắp các nông trường mà không có sự trợ giúp của không lực Mỹ.”

Tham nhũng có phải là nguyên nhân gây ra sự sụp đổ của Nam Việt nam không? Ông Sorley thuật lại lời của Tom Polgar, giám đốc CIA ở Saigon lúc bấy giờ, biên luận rằng: “những người có thẩm quyền tại những cơ sở chính quyền thời nát, y như trường hợp của Phi luật tân, Nam Hàn, Thái Lan hay bất kỳ nước nào.” Trong một nước mà những công chức không được trả lương phí chảnh, thì đâu có nên tham nhũng là chuyện thường xảy ra trên đời.” Đại tá William Legro, Tư viên Quân sự ở Việt nam cũng đồng ý như thế, ông nói: “tham nhũng không phải là nguyên nhân làm sụp đổ mà chính là sự giảm bớt đến mức zero mọi viện trợ của Mỹ mới là nguyên nhân. Chúng ta đã làm cái điều tai hại khi tập trung vào những miền Nam Việt nam.”

Cựu Đại sứ tại Mỹ Bùi Diễm là một trong những người đã đứng ra thách thức cuộc hải cẩu tẩu này cũng than phiền về việc Quốc hội Mỹ cắt hỗ trợ viện trợ. “Tôi không thể không giận dữ trước sự việc bất công vì dòng viện trợ quân sự bắt buộc phải qua Quốc Hội. Vấn đề chính yếu trong tâm trí tôi là sự phẫn nộ hàng triệu người dân miền Nam Việt nam phải chịu đựng như thế nào một khi Quốc Hội đã quyết định.”

Ông Sorley đưa ra những con số như sau: “Tại Việt nam, có thể có đến 65,000 người bị bắt bớ tay chân những người tin rằng là quân giải phóng và có đến 250,000 người nằm a bả chết trong các ‘trại cải tạo’ tàn bạo. Hai triệu người bị bắt bớ ngả ra khắp quê hương và tào thành lập nên những Việt nam tị nạn ngoài.” Một phần tư triệu người tị nạn đã bỏ mình ngoài biên giới.

Ông Hoàng Đức Nhã, nguyên Tổng trưởng Thông Tin và Chiêu Hồi là người phụ trách việc đúc kết cuộc Hồi hị nói: “Cuộc chiến Việt nam được nhìn qua lăng kính của người Mỹ khi làm bị nạn đang méo mó sự thật tìm hiểu tại sao người Cộng sản chiến thắng và người quốc gia thua trận. Ông lưu ý cả tara rằng, trong khi còn nguy hiểm, miền Nam đã cố gắng xây dựng một chế độ dân chủ với một nền kinh tế lành mạnh, dựa trên nền tảng luật pháp. Đó là một cố gắng ít được nghe thấy trong một nước đang có chiến tranh.”

Ông nói tiếp: “Hơn thế nữa, ngay cả trước tình thế phải chiến đấu liên tục, chánh quyền cũng cho thi hành một chiến lược phát triển ba mặt về phát triển nông nghiệp, kinh tế và công nghiệp lao động, và khai thác tài nguyên thiên nhiên. Năm 1974, dầu khí đã được tìm thấy ngoài khơi biển miền Nam. Tuy thế mà những thành tựu như thế là ít được ai công nhận.”

Tiến sĩ Rufus Philipps, tác giả của cuốn sách mới đây mà được ca tụng nhiều - Why Vietnam Matters - đưa ra nhận định trong một tài liệu được chuyển b riêng cho Hội nghị. Ông trích dẫn câu trả lời của Tổng trưởng Maxwell Taylor cho câu hỏi tại sao chúng ta thất bại tại Việt nam? Về câu Hồi sự tại Việt nam nói vào hồi cuối của cuộc đời của mình: “Chúng ta đã không hiểu kỹ, không hiểu người bên đang mình Nam Việt nam, và cũng không hiểu chính chúng ta nữa. Chúng ta đã không hiểu làm sao mà đời phó với cái lo ngại chiến tranh đó cho đến khi quá muộn. Thời lâu, giới hoạch định chính sách cấp cao ở Washington và giới lãnh đạo chớp bu của chúng ta tại chỗ, với lòng tự ái được thổi phồng bởi những nghị quyết hay hèn trong những nỗ lực của họ, thì họ là ít có sự bao dung đối với những quan điểm khác biệt được đưa ra trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn không được ý với họ.”

Cùng, Tiến sĩ Phillips có lời khuyên: “Người Mỹ chúng ta có một nhu cầu thiết tha là phải tìm hiểu các người bên mà chúng ta muốn giúp. Chúng ta không thể áp đặt những gì pháp đã được làm sẵn tại Mỹ (made-in-America), những phải cùng làm việc chung như người đang sẵn sàng như là anh em với nhau, để chúng ta giúp các bên đó tìm ra các giải pháp riêng của họ. Đó là những bài học chúng ta không được luôn luôn chú ý tiếp thu và không chấp hành.”